

# **Nhu cầu tham vấn tâm lý và các yếu tố liên quan ở người cao tuổi xã Thủy Thanh, thị xã Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên Huế**

Phạm Thi Nam<sup>1,\*</sup>, Lê Triu Mến<sup>2</sup>, Võ Nữ Hồng Đức<sup>3</sup>

## **Tóm tắt:**

\* **Đặt vấn đề:** Việt Nam có tốc độ già hóa nhanh trên thế giới, nhưng nhu cầu tham vấn tâm lý ở người cao tuổi chưa nhận được sự quan tâm đúng mức. Nghiên cứu thực hiện nhằm tìm hiểu về nhu cầu tham vấn tâm lý và một số yếu tố liên quan ở người  $\geq 60$  tuổi xã Thủy Thanh, thị xã Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên Huế.

\* **Phương pháp:** Nghiên cứu mô tả cắt ngang với cỡ mẫu thực là 400 sử dụng phương pháp chọn mẫu hai giai đoạn. Thang đo nhu cầu tham vấn tâm lý ở người cao tuổi (Older Persons Counseling Needs Survey - OPCNS) được sử dụng, tổng điểm từ 27 đến 108. Điểm càng cao chứng tỏ nhu cầu tham vấn tâm lý của đối tượng càng cao. Cronbach's Alpha của OPCNS là 0,75.

\* **Kết quả:** 50,5% người cao tuổi có nhu cầu cao về tham vấn tâm lý. Nhu cầu tham vấn tâm lý cao nhất về các vấn đề sức khỏe, sức khỏe tinh thần, lão hóa, cô lập xã hội, hội đoàn thể - giải trí và nhóm trò chuyện. Các yếu tố liên quan đến nhu cầu cao tham vấn tâm lý là tuổi, tình trạng sinh sống, chất lượng cuộc sống, hài lòng cuộc sống và nguy cơ trầm cảm.

\* **Kết luận:** Người cao tuổi có nhu cầu cao trong tham vấn ở nhiều khía cạnh tâm lý. Kết quả nghiên cứu gợi ý thực hiện tham vấn tâm lý cho các nhóm người cao tuổi dễ bị tổn thương, nâng cao chất lượng cuộc sống, giúp đỡ người cao tuổi neo đơn tại địa bàn.

**Từ khóa:** Nhu cầu, Tham vấn, Tâm lý, Người cao tuổi, Tỉnh Thừa Thiên Huế.

# **Older people's psychological counselling needs and related factors in Thuy Thanh commune, Huong Thuy town, Thua Thien Hue province**

Phạm Thi Nam<sup>1,\*</sup>, Lê Triu Mến<sup>2</sup>, Võ Nữ Hồng Đức<sup>3</sup>

## **Abstract:**

\* **Background:** Vietnam is facing challenges as it is the fastest-aging country in the world, but the psychological counselling needs of older people have received inadequate attention. The research

was conducted to identify the psychological counselling need and associated factors amongst older people in Thuy Thanh commune, Huong Thuy town, Thua Thien Hue province.

\* **Methodology:** A cross-sectional descriptive study was applied with a sample size of 400, using two-stage sampling design. The Older Persons Counseling Needs Survey (OPCNS) is used, with a total score ranged from 27 to 108, the higher values indicated, the higher counselling needs. The Cronbach's Alpha Coefficient of OPCNS was 0.75.

\* **Results:** 50.5% of older people had high psychological counselling needs. In particular, the highest counselling needs were health problems, mental health, aging, social isolation, large group of people for entertaining and conversation. Some related factors were mentioned including age, living status, quality of life, life satisfaction and the risk of depression.

\* **Conclusion:** Older people had high counseling needs in many psychological aspects. The research results recommended to offer counsel for vulnerable elderly people, improve the quality of life as well as help lonely older people in the area.

**Keywords:** Needs, Counselling, Psychology, Older people, Thua Thien Hue Province

---

#### **Tác giả:**

1. Trung tâm Kiểm soát bệnh tật thành phố Đà Nẵng
2. Trung tâm Y tế quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng
3. Khoa Y tế Công Cộng, trường Đại học Y Dược Huế, Đại học Huế

#### **1. Đặt vấn đề**

Ngày nay trên thế giới, tỷ lệ người cao tuổi (từ 60 tuổi trở lên) đang gia tăng một cách nhanh chóng. Việt Nam đã chính thức bước vào giai đoạn “già hóa dân số” từ năm 2012 và là một trong các quốc gia có tốc độ già hóa nhanh nhất trên thế giới. Tỉnh Thừa Thiên Huế năm 2009 có tỷ trọng người 60 tuổi trở lên là 111.631 người chiếm 10,3% trong tổng số dân thì đến cuối năm 2016, tổng số người cao tuổi (NCT) là 151.300 người, tỷ lệ 13,15% so với tổng dân số<sup>1</sup>. Xã hội càng phát triển thì những vấn đề về sức khỏe tâm thần cũng ngày càng phổ biến và được quan tâm hơn. Các hoạt động tham vấn tâm lý (TVTL) xuất hiện và ngày càng phát triển nhằm đáp ứng nhu cầu của xã

hội. Nguyễn Bá Đạt và cộng sự (2017) cho rằng tham vấn tâm lý là hình thức hỗ trợ tâm lý trong đó chuyên gia tham vấn và thân chủ tương tác với nhau, từ đó giúp thân chủ thấu hiểu bản thân và những vấn đề đang gặp phải, phát huy nguồn lực của bản thân trong việc giải quyết vấn đề, hướng đến sự phát triển lành mạnh và bền vững<sup>2</sup>. Tham vấn tâm lý dần trở thành một dịch vụ không thể thiếu trong công tác hỗ trợ các nhóm dễ bị tổn thương, đặc biệt đối với nhóm người cao tuổi hiện đang phải đối mặt với nhiều thách thức sức khỏe. Vì vậy, cần có nhiều nghiên cứu hơn nữa về tham vấn tâm lý ở người cao tuổi<sup>2</sup>. Tại Việt Nam và Thừa Thiên Huế, chưa có nhiều nghiên cứu về nhu cầu tham vấn tâm lý được thực hiện trên đối tượng người

cao tuổi. Vì vậy, chúng tôi tiến hành nghiên cứu đề tài: “Nhu cầu tham vấn tâm lý và các yếu tố liên quan ở người cao tuổi xã Thủy Thanh, thị xã Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên Huế” với mục tiêu tìm hiểu thực trạng nhu cầu tham vấn tâm lý và một số yếu tố liên quan ở người 60 tuổi trở lên tại xã Thủy Thanh, thị xã Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên Huế.

## **2. Đối tượng và phương pháp nghiên cứu**

### **2.1. Đối tượng nghiên cứu**

Người dân 60 tuổi trở lên đang sinh sống tại xã Thủy Thanh đồng ý tham gia nghiên cứu. Tại xã Thủy Thanh, nhu cầu của NCT hiện nay là được chăm sóc sức khỏe thể chất và sức khỏe tinh thần<sup>1</sup>.

Tiêu chuẩn loại trừ: Người đang vắng mặt tại địa bàn nghiên cứu hoặc sức khỏe không cho phép trả lời câu hỏi khảo sát.

### **2.2. Thiết kế nghiên cứu**

Nghiên cứu mô tả cắt ngang.

### **2.3. Cỡ mẫu và phương pháp chọn mẫu**

Cỡ mẫu tính theo công thức ước lượng một tỷ lệ; do chưa tìm được nghiên cứu tương tự nên chúng tôi lấy hệ số  $p=0,5$ , tính ra được cỡ mẫu  $n=384$ . Cỡ mẫu thực trong nghiên cứu này là 400. Phương pháp chọn mẫu hai giai đoạn được thực hiện. Giai đoạn 1: Xã Thủy Thanh có 9 thôn. Chọn ngẫu nhiên 5 thôn trong 9 thôn. Giai đoạn 2: Tại mỗi thôn lập danh sách NCT từ 60 tuổi trở lên. Chọn mẫu xác suất tỷ lệ tính ra được số NCT dự kiến mời tham gia vào nghiên cứu.

### **2.4. Công cụ và phương pháp thu thập số liệu**

Sử dụng thang đo OPCNS (Older Persons Counseling Needs Survey) của Jane E. Myers,

gồm 27 mục tương ứng với 27 câu hỏi được xây dựng theo 4 mục chính: nhu cầu TVTL về mặt cá nhân (6 câu hỏi), nhu cầu TVTL về mặt xã hội (6 câu hỏi), nhu cầu TVTL về các hoạt động (7 câu hỏi) và nhu cầu TVTL về môi trường sống (8 câu hỏi). Mỗi câu hỏi được đánh giá và cho điểm theo 4 mức độ: “Rất không đồng ý” - 1 điểm, “Không đồng ý” - 2 điểm, “Đồng ý” - 3 điểm và “Rất đồng ý” - 4 điểm <sup>13</sup>.

Cách xác định nhu cầu TVTL của NCT được thực hiện như sau: Đối với mỗi câu hỏi tương ứng với một nhu cầu riêng lẻ, câu trả lời ứng với giá trị 1 và 2 được đánh giá là nhu cầu thấp, câu trả lời ứng với giá trị 3 và 4 được đánh giá là nhu cầu cao. Đối với nhu cầu TVTL nói chung, điểm nhu cầu của đối tượng là tổng điểm của tất cả 27 câu hỏi, từ 27 điểm đến 108 điểm. Điểm càng cao chứng tỏ nhu cầu TVTL của đối tượng càng cao.

Trên cơ sở thang đo gốc bằng tiếng Anh, để đảm bảo tính chính xác của nội dung, nhóm nghiên cứu đã mời hai cử nhân trình độ đại học ngoại ngữ tiếng Anh dịch xuôi/ngược Anh – Việt và Việt – Anh, sau đó bảng hỏi được thử nghiệm trên 20 người cao tuổi ở các trình độ học vấn khác nhau nhằm đảm bảo câu hỏi rõ ràng, dễ hiểu, ngôn từ sử dụng là phù hợp. Kết quả thống kê của chúng tôi cho thấy hệ số Alpha của OPCNS là 0,75 – là thang đo lường sử dụng tốt <sup>3</sup>.

Sau khi thu thập số liệu, lấy giá trị trung bình của tổng số điểm nhu cầu TVTL làm điểm cắt từ đó phân thành 2 nhóm: Tổng điểm  $\geq 66,5$  được xếp vào Nhu cầu cao, ngược lại là Nhu cầu thấp.

### **2.5. Xử lý số liệu**

Nhập liệu với phần mềm Epidata 3.1. Phân tích số liệu trên phần mềm SPSS 20. Kết quả được

## III. QUẢ NGHIÊN CỨU

mô tả bằng phân phối tần suất, tỷ lệ; sử dụng kiểm định Khi bình phương và phân tích hồi quy đa biến logistic để kiểm định các yếu tố liên quan với độ tin cậy 95%.

### 2.6. Đạo đức trong nghiên cứu

Nghiên cứu tuân theo quy trình xét duyệt của Hội đồng đạo đức Đại học Y Dược Huế (mã số H2019/18 cấp ngày 16/02/2019) và sự đồng ý cho phép triển khai của Ủy ban nhân dân xã Thủy Thanh, thị xã Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên Huế.

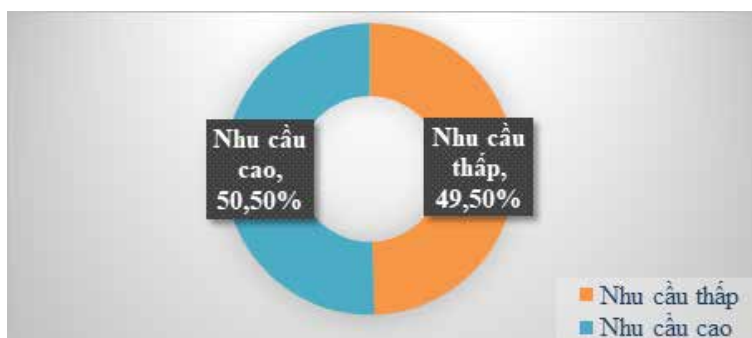
## 3. Kết quả nghiên cứu

### 3.1. Đặc điểm của đối tượng nghiên cứu

Trong số 400 đối tượng nghiên cứu: Nữ giới

chiếm ưu thế hơn nam giới với 59,75%. Nhóm tuổi 60-69 có số lượng cao nhất với 55%. Trình độ học vấn tiểu học và chưa tốt nghiệp tiểu học chiếm 50%. Về tình trạng nghề nghiệp, có 52,25% đối tượng đang tham gia lao động. Tình trạng hôn nhân có tỷ lệ cao nhất là có gia đình (đã kết hôn/sống chung như vợ chồng) chiếm 69,50% và đa số sống cùng với gia đình (87,75%). Tỷ lệ đối tượng tự đánh giá tình trạng sức khỏe hiện tại bình thường là 47,50%; yếu và rất yếu là 44,00%; tốt 8,50%. Có 52,25% các đối tượng cho rằng họ thường có đủ tiền cho các nhu cầu.

### 3.2. Thực trạng nhu cầu tham vấn tâm lý ở người cao tuổi



**Biểu đồ 3.1. Nhu cầu tham vấn tâm lý chung ở người cao tuổi**

Biểu đồ 3.1 thể hiện, NCT tại địa bàn nghiên cứu có nhu cầu TVTL cao và thấp xấp xỉ nhau. Tỷ lệ có nhu cầu cao về TVTL lớn hơn nhu cầu thấp, nhưng không đáng kể (50,5% so với 49,5%).

**Bảng 3.1. Nhu cầu tham vấn tâm lý về mặt cá nhân và xã hội**

Đặc điểm	Nhu cầu thấp		Nhu cầu cao	
	n	%	n	%
I. Nhu cầu TVTL cá nhân				

A. Khía cạnh tinh thần				
Cái chết và sự chết dần	187	46,75	213	53,25
Sức khỏe tinh thần	45	11,25	355	88,75
Đưa ra quyết định	309	77,25	91	22,75
B. Khía cạnh thể chất				
Sức khỏe	10	2,50	390	97,50
Hiểu biết về quá trình lão hóa	47	11,75	353	88,25

Sự chấp nhận bản thân đang già đi	49	12,25	351	87,75
<b>II. Nhu cầu TVTL về mặt xã hội</b>				
<b>A. Khía cạnh tinh thần</b>				
Mối quan hệ với vợ/chồng	382	95,50	18	4,50
Xúc cảm tình dục	353	88,25	47	11,75
Mối quan hệ với con cháu và người thân	330	82,50	70	17,50
Mối quan hệ với bạn bè	185	46,25	215	53,75
<b>B. Khía cạnh tương tác, liên kết nhóm</b>				
Sự cô lập với xã hội	58	14,50	342	85,50
Có nhóm trò chuyện	176	44,00	224	56,00

Kết quả bảng 1 cho thấy, về khía cạnh tinh thần, NCT có nhu cầu thấp trong TVTL về: quan hệ vợ/chồng (4,5%), xúc cảm tình dục (11,75%), mối quan hệ với người thân (17,5%). Ngược lại, có tới 90% NCT nhu cầu TVTL cao về sức khỏe tinh thần, khoảng 54% có nhu cầu TVTL cao về mối quan hệ với bạn bè, hay trò chuyện về cái chết và sự chết dần. NCT có nhu cầu TVTL cao ở khía cạnh thể chất: về sức khỏe là 97,5%, được biết về quá trình lão hóa 88,25%, sự chấp nhận bản thân già đi 87,75%. Về khía cạnh tương tác nhóm: Có tới 85,5% NCT có nhu cầu TVTL cao về cô lập xã hội.

**Bảng 3.2. Nhu cầu tham vấn tâm lý các hoạt động và môi trường sống**

Đặc điểm	Nhu cầu thấp		Nhu cầu cao	
	n	%	n	%
<b>III. Nhu cầu TVTL về các hoạt động</b>				
<b>A. Khía cạnh nghề nghiệp</b>				
Thất nghiệp	311	77,75	89	22,25
Thích nghi với nghỉ hưu	333	83,25	67	16,75
<b>B. Các hoạt động giải trí</b>				
Sở thích	143	35,75	257	64,25
Hoạt động hội, đoàn thể	87	21,75	313	78,25
Hoạt động giải trí theo nhóm	141	35,25	259	64,75
<b>C. Sử dụng các kỹ năng</b>				
Kiểm tra có thể làm tốt những gì	110	27,50	290	72,50
Học các kỹ năng mới	229	57,25	171	42,75
<b>IV. Nhu cầu TVTL về môi trường sống</b>				
<b>A. Môi trường sống</b>				
Giúp việc nhà	329	82,25	71	17,75
Chuẩn bị bữa ăn	257	64,25	143	35,75
Hỗ trợ việc mua sắm	214	53,50	186	46,50
<b>B. Quản lý thu nhập và nguồn giúp đỡ</b>				

## II. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

Quản lý thu nhập cá nhân	296	74,00	104	26,00
Xác định nguồn giúp đỡ	240	60,00	160	40,00
C. Các dịch vụ				
Trợ giúp pháp lý	357	89,25	43	10,75
Hỗ trợ việc đi lại	145	36,25	255	63,75
Nhà ở	274	68,50	126	31,50

Kết quả bảng 2 cho thấy, NCT ít có nhu cầu TVTL về khía cạnh nghề nghiệp, cụ thể là tình trạng thất nghiệp (22,25%) và thích nghi với việc nghỉ hưu (16,75%). Ngược lại, họ có nhu cầu TVTL cao về các hoạt động giải trí như

hoạt động hội đoàn thể (78,25%). Có 72,5% NCT muốn thực hiện các bài kiểm tra đánh giá sức khỏe hoặc hướng nghiệp để xem mình có thể làm tốt những điều gì. Về môi trường sống, NCT ít có nhu cầu tham vấn về người giúp việc và chuẩn bị bữa ăn (35,75%), nhưng có 46,5% đối tượng muốn được hỗ trợ trong việc mua sắm. NCT cũng ít có các nhu cầu về quản lý thu nhập cá nhân (26%) hay xác định các nguồn có thể giúp đỡ mình (40%). Họ có nhu cầu cao trong hỗ trợ đi lại (63,75%), nhưng có nhu cầu thấp về tham vấn trợ giúp pháp lý (10,75%) và trò chuyện về nhà ở hiện tại (31,5%).

### 3.3. Các yếu tố liên quan đến nhu cầu tham vấn tâm lý ở người cao tuổi

**Bảng 3.3. Mô hình hồi quy logistic kiểm định các yếu tố liên quan đến nhu cầu tham vấn tâm lý**

Biến độc lập	Cao		Nhu cầu TVTL		OR*	KTC 95%		p	
	n	%	Thấp			Giới hạn dưới	Giới hạn trên		
Nhóm tuổi	70-79	48	46,60	57	53,40	1	-	-	-
	60-69	113	51,40	107	48,60	1,917	1,103	3,331	0,021*
	80 trở lên	41	54,70	34	45,30	1,047	0,531	2,064	0,894
Nghề nghiệp	Nông dân/công nhân/khác	98	46,90	111	53,10	1	-	-	-
	Hưu trí, già, nội trợ	104	54,50	87	45,50	1,147	0,686	1,916	0,601
Hôn nhân	Góa/Độc thân/Ly thân/Ly dị	66	53,70	57	46,30	1	-	-	-
	Có gia đình	136	49,10	141	50,90	1,364	0,776	2,397	0,28
Tình trạng sinh sống	Sống với gia đình	167	47,60	184	52,40	1	-	-	-
	Sống một mình	35	71,40	14	28,60	2,846	1,252	6,469	0,013*
Tình trạng kinh tế	Thường đủ tiền	166	48,40	177	51,60	1	-	-	-
	Thường không đủ tiền	26	57,78	19	42,22	1,398	0,713	2,741	0,33
	Khó khăn lớn về tài chính	10	83,33	2	16,67	3,351	0,653	17,184	0,147

## II. Kết quả nghiên cứu

Tình trạng sức khỏe	Tốt	11	32,35	23	67,65	1	-	-	-
	Yếu và rất yếu	104	59,09	72	40,91	1,698	0,685	4,212	0,253
	Bình thường	87	45,79	103	54,21	1,637	0,727	3,687	0,234
Chất lượng cuộc sống	Cao	110	42,60	148	57,40	1	-	-	-
	Thấp	92	64,80	50	35,20	2,079	1,132	3,818	0,018*
Hài lòng cuộc sống	Thấp	31	47,00	35	53,00	1	-	-	-
	Trung bình	73	42,40	99	57,60	2,489	1,208	5,132	0,013*
	Cao	94	58,00	68	42,00	1,791	0,813	3,943	0,148
Nguy cơ trầm cảm	Không	123	44,20	155	55,80	1	-	-	-
	Có	79	64,80	43	35,20	2,057	1,149	3,683	0,015*

\* Kiểm định có ý nghĩa thống kê ( $p < 0,05$ )

Mô hình cho thấy: Nhóm NCT 60-69 tuổi có nhu cầu TVTL cao gấp 2 lần so với nhóm 70-79 tuổi. Nhóm sống một mình có nhu cầu TVTL gấp 2,8 lần so với nhóm sống với gia đình. Nhóm có chất lượng cuộc sống (CLCS) thấp có nhu cầu TVTL cao gấp 2 lần so với nhóm có CLCS cao. Nhóm hài lòng cuộc sống trung bình có nhu cầu TVTL cao gấp 2,5 lần so với nhóm hài lòng cuộc sống thấp. Nhóm nguy cơ trầm cảm có nhu cầu TVTL cao gấp 2 lần nhóm không có nguy cơ trầm cảm.

### 4. Bàn luận

#### 4.1. Nhu cầu tham vấn tâm lý ở người cao tuổi

Tại địa bàn nghiên cứu, tỷ lệ NCT có nhu cầu cao về TVTL là 50,50%.

Trong đó, nhu cầu TVTL cao nhất là về chia sẻ các vấn đề sức khỏe (97,50%), sức khỏe tinh thần (90,00%), nhu cầu được biết về quá trình lão hóa (88,25%), sự chấp nhận bản thân già đi (87,75%), tương tự với nghiên cứu của Chen tại Trung Quốc (2003), cho rằng các vấn đề sức khỏe là mối quan tâm hàng đầu của NCT. Tương tự Myers (1981), nhu cầu TVTL cao nhất về giúp đỡ trong việc đi lại, kết quả của

chúng tôi về nhu cầu giúp đỡ trong việc đi lại khá cao (63,75%), do mô hình sinh sống nhiều thế hệ tại Việt Nam, tương tác xã hội và sự giúp đỡ của hàng xóm đối với NCT nhiều hơn do đó nhu cầu thấp hơn [10, 12](#).

Nhu cầu TVTL thấp nhất trong mối quan hệ với vợ/chồng (4,50%), trợ giúp pháp lý (10,75%), xúc cảm tình dục (11,75%), mối quan hệ với con cháu và người thân (17,50%). Tương tự với nghiên cứu của Myers ở Mỹ (1981) chỉ ra rằng hôn nhân và cảm xúc tình dục là những vấn đề ít được NCT có nhu cầu. Địa bàn của nghiên cứu là vùng nông thôn yên bình nên nhu cầu trợ giúp pháp lý thấp. Mô hình sống nhiều thế hệ và các quan niệm tốt, tư tưởng thuận hòa về hôn nhân và gia đình nên NCT ít có nhu cầu TVTL về hôn nhân, con cháu và người thân [12](#).

Bên cạnh đó, NCT có nhu cầu TVTL cao về các khía cạnh khác như cô lập với xã hội (85,50%), hoạt động hội đoàn thể (78,25%). Nhu cầu TVTL cũng khá cao ở các khía cạnh giải trí như sở thích (64,25%), hoạt động giải trí theo nhóm (64,65%). Chứng tỏ các hoạt động giải trí mang tính hướng ngoại, tương tác nhóm và tương tác xã hội là những mối quan tâm lớn ở NCT.



#### **4.2. Các yếu tố liên quan đến nhu cầu tham vấn tâm lý**

**Nhóm tuổi:** NCT 60-69 tuổi có nhu cầu TVTL cao gấp 2 lần so với nhóm 70-79 tuổi ( $p=0,021$ ). Kết quả nghiên cứu của Myers (1981) và Chen (2003) cho rằng NCT trẻ hơn có xu hướng muốn được tham vấn cao hơn, Demirdiş (2010) cho rằng tuổi tác là yếu tố quyết định nhu cầu tham vấn tâm lý <sup>7, 10, 12</sup>. Trong khi đó Azmi (2016) và Nevin (2019) trong 2 nghiên cứu tại Thổ Nhĩ Kỳ cho rằng không có sự khác biệt về điểm số nhu cầu tham vấn tâm lý giữa các nhóm tuổi ( $p>0,05$ ) <sup>8, 11</sup>. So với người già hơn, NCT trẻ hơn phải thích nghi với việc bất ngờ giảm sút thể chất và sức khỏe, phải về hưu và giảm thu nhập dễ khiến cho họ hụt hẫng.

**Tình trạng sinh sống:** Nhóm sống một mình có nhu cầu TVTL gấp 2,8 lần so với nhóm sống với gia đình ( $p=0,013$ ). Kết quả này tương tự với nghiên cứu của Myers năm 1981, khi tác giả cho rằng nhóm không sống cùng gia đình, bao gồm sống với bạn bè, viện dưỡng lão là nhóm mục tiêu can thiệp hàng đầu <sup>12</sup>. So với NCT sống cùng gia đình, NCT sống một mình thiếu hụt giúp đỡ về cả thể chất lẫn tinh thần, đồng thời dễ nảy sinh tâm lý tiêu cực như buồn rầu, chán nản và bi quan, đây là một trong những nhóm yếu thế và dễ tổn thương nhất, đặc biệt khi sống một mình kết hợp với một những yếu tố đặc biệt khác.

**Chất lượng cuộc sống:** Nhóm có CLCS thấp có nhu cầu TVTL cao gấp 2 lần so với nhóm có CLCS cao ( $p=0,018$ ). Điều này là phù hợp vì chất lượng cuộc sống thấp chứng tỏ rằng NCT gặp nhiều khó khăn trong cuộc sống về đi lại, tự chăm sóc, bị đau, khó chịu và lo âu

hơn, điều này dẫn đến nhu cầu cao về TVTL ở nhóm đối tượng này. Sự giảm sút về thể chất và sức khỏe ở NCT ảnh hưởng nhiều đến chất lượng cuộc sống của họ. Đây là phát hiện mới tại địa bàn nghiên cứu, trong khi y văn từng đề cập đến mối liên quan giữa nhu cầu TVTL và chất lượng cuộc sống, nhưng chúng tôi chưa tìm được nghiên cứu về vấn đề này <sup>9</sup>.

**Hài lòng cuộc sống:** Nhóm hài lòng cuộc sống trung bình có nhu cầu TVTL cao gấp 2,5 lần so với nhóm hài lòng cuộc sống thấp ( $p=0,013$ ). Kết quả này khác biệt với nghiên cứu của Myers (1981), Azmi (2016) và Nevin (2019), khi các nghiên cứu này cho rằng có mối tương quan nghịch giữa hai biến này, hài lòng cuộc sống càng thấp thì nhu cầu TVTL càng cao. Sự khác biệt có thể do giữa các địa bàn nghiên cứu, quan điểm về các mức độ hài lòng cuộc sống khác nhau, dẫn đến nhu cầu cao về TVTL rơi vào các đối tượng có mức độ hài lòng cuộc sống trung bình <sup>5, 8, 11, 12</sup>.

**Nguy cơ trầm cảm:** Nhóm nguy cơ trầm cảm có nhu cầu TVTL cao gấp 2 lần nhóm không có nguy cơ trầm cảm ( $p=0,015$ ). Tương tự với nghiên cứu của Myers ở Mỹ (1981) phát hiện khi nhu cầu TVTL của NCT tăng lên, thì họ cũng có xu hướng bị trầm cảm hơn. NCT rất cần được chăm sóc cả về thể chất lẫn tinh thần, nhóm gợi ý trầm cảm cần được tầm soát, chẩn đoán và điều trị, trong đó tham vấn tâm lý là được cho là mang lại lợi ích tương tự liệu pháp hành vi nhận thức và sử dụng thuốc trong điều trị trầm cảm <sup>4, 6, 12</sup>.

#### **5. Kết luận, khuyến nghị**

Về nhu cầu tham vấn tâm lý của người cao tuổi



tại xã Thủy Thanh, thị xã Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên Huế, có 50,5% số đối tượng nghiên cứu có nhu cầu cao; trong đó, nhu cầu tham vấn tâm lý cao nhất về các vấn đề sức khỏe, cô lập và tương tác với xã hội. Nhu cầu tham vấn tâm lý thấp nhất ở các khía cạnh mối quan hệ với vợ/chồng, người thân, trợ giúp pháp lý và xúc cảm tình dục.

Các yếu tố bao gồm tuổi, tình trạng sinh sống, chất lượng cuộc sống, mức độ hài lòng cuộc sống và nguy cơ trầm cảm có mối liên quan đến nhu cầu tham vấn tâm lý ở người cao tuổi.

Kết quả nghiên cứu gợi ý một số khuyến nghị sau: Cung cấp dịch vụ, chính sách và các địa chỉ về tham vấn tâm lý cho người cao tuổi. Đẩy mạnh các hoạt động đoàn thể, giải trí và nhóm trò chuyện và liên kết các hoạt động tình nguyện giúp đỡ người cao tuổi tại địa phương. Tiến hành khám, chẩn đoán và điều trị cho các đối tượng gợi ý trầm cảm. Tham vấn tâm lý cho nhóm người cao tuổi yếu thể trong độ tuổi 60 – 69, đang sống một mình, có chất lượng cuộc sống thấp, hài lòng cuộc sống trung bình và có nguy cơ trầm cảm.

---

### **TÀI LIỆU THAM KHẢO**

1. Chi cục Dân số - KHHGD tỉnh Thừa Thiên Huế. Thích ứng với quá trình già hóa dân số. 2017; <https://ccdso.thuathienhue.gov.vn/?gd=1&cn=28&tc=687>. Truy cập 26/03/2019.
2. Nguyễn Bá Đạt, Nguyễn Thị Anh Thư. Một số xu hướng nghiên cứu tham vấn tâm lý ở VN. Tạp chí Tâm lý học. 2017; 10:88-97.
3. Hoàng Trọng, Chu Nguyễn Mộng Ngọc. Phân tích dữ liệu nghiên cứu với SPSS. 2008.
4. Huỳnh Ngọc Vân Anh. Trầm cảm và các yếu tố liên quan của người cao tuổi tại thị trấn Gia Ray, huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai. Hội nghị khoa học kỹ thuật lần 34 - Đại học Y Dược TP. Hồ Chí Minh 2017. 2016.
5. Nguyễn Thị Vân Hạnh. Sự hài lòng về cuộc sống của người Việt Nam hiện nay xét trên góc độ nghề nghiệp, việc làm và mức sống. VNU Journal of Science: Social Sciences and Humanities. 2013; 29(3).
6. Lê Tiến Tùng. Dấu hiệu trầm cảm ở người cao

- tuổi tại xã An Lão - huyện Bình Lục - tỉnh Hà Nam năm 2015. Hà Nội, Đại học Y Hà Nội; 2015.
7. Eray Demirdiř, Seher Balcı Celik. Older People's Pshological Counseling and Guidance Needs Scale: Validity and Reliability Study. Procedia-Social and Behavioral Sciences. 2013; 84:652-657.
8. Azmi Bayram Ilbay, Yakup Yigit, Omer Ozisli. Life satisfaction and guidance need of there retired people: Sample of Sakarya Journal of Behavior at Work. 2016; 1(1):36-47.
9. Jane E Myers. Counseling Older Persons. Searchlight Plus: Relevant Resources in High Interest Areas. 58 +. ERIC Clearinghouse on Counseling and Personnel Services: National Inst. of Education (ED), Washington, DC; 1984.
10. Chen Tsung-Hsing. A Study on Older Persons' counseling needs and counseling attitudes: NKNU Institutional Repository. 2003.
11. Günaydin Nevin, Arici Yeliz Kařko. Investigation of the Need of Psychological

Counseling and Life Satisfaction Levels of Elderly Nursing Home Residents. *Turkiye Klinikleri J Nurs. Sci.* 2019.

12. Jane E Myers, Larry C Loesch. The Counselling Needs of Older Persons. *Humanist Educator.* 1981; 20(1):21-35.

13. Jane E Myers. Counseling Older Persons. *Searchlight Plus: Relevant Resources in High Interest Areas. ERIC Clearinghouse on Counseling and Personnel Services: National Inst. of Education (ED);* 1984.